

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KỲ II - SINH 10. NĂM 2024-2025

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Cơ sở khoa học của ứng dụng sử dụng vi sinh vật để sản xuất thuốc trừ sâu sinh học là

- A. khả năng tạo ra các chất độc hại cho côn trùng gây hại của vi sinh vật.
- B. khả năng tiết enzyme ngoại bào để phân giải các chất của vi sinh vật.
- C. khả năng chuyển hóa các chất dinh dưỡng cho cây trồng của vi sinh vật.
- D. khả năng tự tổng hợp các chất cần thiết của vi sinh vật.

Câu 2: Dựa vào đặc điểm nào của virus mà người ta có thể sử dụng virus làm vector chuyển gene?

- A. Virus có một số đoạn gen không thật sự quan trọng, nếu cắt bỏ và thay bởi một đoạn gene
- B. Virus có thể được nuôi cấy trong môi trường tổng hợp như vi khuẩn nên có thể dễ dàng nuôi cấy để làm vector chuyển gene.
- C. Virus luôn chứa vật chất di truyền là DNA nên có thể tổng hợp được các sản phẩm cần thiết cho con người.
- D. Virus tồn tại trong môi trường tự nhiên với số lượng lớn nên có thể thu nhận để làm vector chuyển gene mà không gây tổn chi phí.

Câu 3: Trong y học, virus có bao nhiêu ứng dụng nào sau đây?

- (1) Sản xuất hormone insulin.
- (2) Sản xuất vaccine.
- (3) Sản xuất interferon
- (4) Tạo giống cây chuyển gene.

A. 4. B. 1. C. 3. D. 2.

Câu 4: Nhận định nào **không** phải là ưu điểm của thuốc trừ sâu sinh học so với thuốc trừ sâu hóa học?

- A. Bảo vệ được sự cân bằng sinh học trong tự nhiên.
- B. Cho hiệu quả diệt trừ sâu hại nhanh chóng.
- C. An toàn với sức khỏe con người và môi trường.
- D. Sản xuất khá đơn giản và có chi phí thấp.

Câu 5: Trong các cách phòng chống sau, cách nào không phải phòng chống bệnh do virus ở động vật gây ra?

- A. Vệ sinh chuồng trại, ao nuôi sạch sẽ.
- B. Chủ động tiêm phòng vaccine cho vật nuôi theo quy định.
- C. Tiêm thuốc kháng sinh cho vật nuôi.
- D. Cần tìm hiểu triệu chứng gây bệnh và cơ chế lây truyền của từng loại virus.

Câu 6: Cơ sở khoa học của công nghệ tế bào dựa trên đặc tính nào sau đây?

- A. Tính ưu việt của các tế bào nhân thực.
- B. Tính đặc thù của các tế bào.
- C. Tính toàn năng của các tế bào.
- D. Tính đa dạng của các tế bào giao tử.

Câu 7: Điều nào sau đây là đúng về thuốc trừ sâu từ virus?

- A. Là chế phẩm chứa virus mà những virus này gây hại cho một số sâu hại nhất định; chế phẩm này được sử dụng làm thuốc trừ sâu
- B. Là chế phẩm gồm những hợp chất là protein mà các protein này được tạo nên từ những gen thuộc hệ gen của virus.
- C. Là thuốc trừ sâu bị nhiễm virus
- D. Là thuốc trừ sâu sử dụng để tiêu diệt virus

Câu 8: Sản phẩm được tạo ra sau quá trình phân giải các hợp chất carbohydrate ở vi sinh vật là

- A. cellulose. B. tinh bột. C. đường đơn. D. đường đôi.

Câu 9: Các giai đoạn nhân lên của virus:

- A. Xâm nhập-> Hấp phụ-> Tổng hợp-> phóng thích->Lắp ráp
B. Hấp phụ-> Xâm nhập->Tổng hợp->Lắp ráp-> phóng thích
C. Hấp phụ-> Xâm nhập->Lắp ráp->Tổng hợp-> phóng thích
D. Xâm nhập-> Hấp phụ->Tổng hợp->Lắp ráp-> phóng thích

Câu 10: Tên gọi khoảng thời gian giữa hai lần phân bào liên tiếp của tế bào nhân thực là gì?

- A. Phát triển tế bào. B. Quá trình phân bào.
C. Phân chia tế bào. D. Chu kì tế bào.

Câu 11: Chế phẩm sinh học nào là thành tựu về ứng dụng virus trong sản xuất chế phẩm sinh học?

- A. Catecholamin. B. Penicillin. C. Albumin. D. Interferon.

Câu 12: Trong nuôi cấy không liên tục, chất độc hại tích lũy nhiều, chất dinh dưỡng cạn kiệt ở pha

- A. lũy thừa. B. cân bằng. C. tiềm phát. D. suy vong.

Câu 13: Sản phẩm được tạo ra sau quá trình phân giải các hợp chất carbohydrate ở vi sinh vật là

- A. tinh bột. B. cellulose. C. đường đôi. D. đường đơn.

Câu 14: Nguyên tố hóa học nào được xem là yếu tố dinh dưỡng quan trọng nhất đối với sự sinh trưởng của vi sinh vật?

- A. Hidrô. B. Ôxi. C. Cacbon. D. Nitơ.

Câu 15: Con đường nào **không phải** là con đường lây lan bằng phương thức truyền dọc đối với người?

- A. Qua sữa mẹ. B. Qua nhau thai.
C. Qua nước bọt. D. Nhiễm qua sinh nở.

Câu 16: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về virus?

- A. Virus cũng có cấu tạo tế bào giống như các sinh vật khác.
B. Virus có thể sống tự do hoặc kí sinh trên cơ thể sinh vật khác
C. Virus có kích thước rất nhỏ nhưng vẫn lớn hơn vi khuẩn.
D. Không thể nuôi virus trên môi trường nhân tạo như nuôi vi khuẩn.

Câu 17: Cho các phương thức lây truyền sau:

1. Đường tình dục.
2. Giao tiếp thông thường (ôm hôn, bắt tay...).
3. Lây từ mẹ nhiễm HIV sang con.
4. Đường máu.

Các phương thức lây truyền HIV/AIDS là

- A. 1, 2, 3. B. 3, 4. C. 2, 3, 4. D. 1, 3, 4.

Câu 17: Sự sinh trưởng của quần thể vi sinh vật được hiểu là

- A. sự tăng sinh khối của quần thể.
B. sự tăng số lượng tế bào của quần thể.
C. sự tăng kích thước của mỗi cá thể trong quần thể.
D. sự mở rộng phạm vi phân bố của quần thể.

Câu 18: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Chu kì tế bào là khoảng thời gian giữa hai lần giảm bào.
B. Trong chu kì tế bào không có sự biến đổi hình thái nhiễm sắc thể.
C. Chu kì tế bào của mọi tế bào trong một cơ thể đều giống nhau.
D. Chu kì tế bào gồm kì trung gian và quá trình phân bào.

Câu 19: Điền từ còn thiếu vào khái niệm virus: “Virus là thực thể chưa có cấu tạo tế bào,, có cấu tạo đơn giản, chỉ gồm lõi là nucleic acid và được bao bọc bởi vỏ protein, sống kí sinh nội bào bắt buộc và chỉ nhân lên trong tế bào vật chủ”.

- A. có kích thước hiển vi
- B. có kích thước siêu hiển vi
- C. có kích thước nhỏ
- D. có kích thước tương đối nhỏ

Câu 20 Vi sinh vật có những đặc điểm gì mà được dùng để sản xuất các sản phẩm phục vụ đời sống con người?

- A. Có hình thức dinh dưỡng đa dạng.
- B. Thời gian sinh trưởng, phát triển chậm.
- C. Kích thước lớn, dễ quan sát
- Kích thước lớn, dễ quan sát.
- D. Chỉ sống được ở một môi trường.

Câu 21: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vi sinh vật?

- A. Có khả năng sinh trưởng và sinh sản nhanh.
- B. Có khả năng phân bố rộng ở hầu hết các môi trường
- C. Cơ thể nhỏ bé, chỉ nhìn rõ dưới kính hiển vi.
- D. Tất cả các vi sinh vật đều có nhân sơ.

Câu 22: Phát biểu nào sau đây là **không** đúng khi nói về virus?

- A. Vật chất di truyền là DNA hoặc RNA.
- B. Có cấu trúc tế bào.
- C. Có kích thước siêu nhỏ.
- D. Được cấu tạo từ 2 thành phần chính là lõi nucleic acid và vỏ protein.

Câu 23: Điều không phải là ưu điểm của thuốc trừ sâu sinh học so với thuốc trừ sâu hóa học?

- A. Sản xuất khá đơn giản và có chi phí thấp.
- B. Bảo vệ được sự cân bằng sinh học trong tự nhiên.
- C. An toàn với sức khỏe con người và môi trường.
- D. Cho hiệu quả diệt trừ sâu hại nhanh chóng.

Câu 24: Sử dụng vi khuẩn *Lactococcus lactis* để sản xuất phomat là thành tựu của

- A. công nghệ tế bào động vật
- B. công nghệ chuyển gen
- C. công nghệ vi sinh vật
- D. công nghệ tế bào thực vật

Câu 25: Cho các ứng dụng sau:

1. Sản xuất sinh khối (protein đơn bào).
2. Làm rượu, tương cà, dưa muối.
3. Sản xuất chế phẩm sinh học (chất xúc tác, gôm,...).
4. Sản xuất acid amin.

Những ứng dụng nào từ quá trình tổng hợp của vi sinh vật ?

- A. 2,3,4.
- B. 1,2,4.
- C. 1,3,4.
- D. 1,2,3.

Câu 26: Trong những đặc điểm sau, những đặc điểm nào thuộc của sinh sản nảy chồi ở vi sinh vật nhân thực?

- I. Có bản chất là phân bào nguyên phân.
- II. Gặp ở trùng roi, trùng giày, amip, tảo lục đơn bào,...
- III. Bộ nhiễm sắc thể của tế bào mẹ nhân đôi và phân đôi thành 2 tế bào con, mỗi tế bào con chứa bộ NST $2n$ như tế bào mẹ.
- IV. Bộ NST của tế bào mẹ nhân đôi, tạo thành 2 nhân, tế bào mẹ mọc thành u lõi, một nhân và tế bào chất di chuyển vào u lõi hình thành chồi, chồi tách ra tạo cơ thể mới.
- V. Gặp ở nấm men bia *Saccharomyces cerevisiae*.

- A. I, III, V.
- B. I, IV, V.
- C. II, III, IV.
- D. I, II, III.

Câu 27: Tế bào trong hình dưới đây đang ở kì nào của quá trình giảm phân?



- A. kì đầu I. B. kì giữa I. C. kì sau I. D. kì cuối I.

Câu 28: Sản phẩm tạo ra từ công nghệ vi sinh vật có đặc điểm như thế nào?

- A. Gây hại cho người sử dụng nên giá thành rẻ, hiệu quả lâu dài.
B. An toàn, thân thiện với môi trường, giá thành cao, hiệu quả lâu dài.
C. An toàn, thân thiện với môi trường, giá thành rẻ, hiệu quả lâu dài.
D. Gây ô nhiễm môi trường, giá thành rẻ, hiệu quả tức thời.

Câu 29: Mô hình hầm biogas nhằm xử lý chất thải trong chăn nuôi có cơ ở khoa học chủ yếu là nhờ

- A. nhóm vi sinh vật sinh methane trong điều kiện kỵ khí
B. nhóm vi sinh vật cố định và phân giải lân.
C. nhóm vi sinh vật hóa dị dưỡng trong điều kiện hiếu khí
D. nhóm vi sinh vật nitrat hóa và phản nitrat hóa trong điều kiện kỵ khí

Câu 30: Làm sữa chua là ứng dụng của quá trình

- A. lên men butylic. B. lên men axetic.
C. lên men lactic. D. lên men rượu etylic.

Câu 31: Cho các bước thực hiện sau đây:

- (1) Nuôi cấy tế bào trong môi trường dinh dưỡng thích hợp để tạo mô sẹo.
(2) Chuyển các cây non ra trồng trong bầu đất hoặc vườn ươm.
(3) Tách mô phân sinh từ đỉnh sinh trưởng hoặc từ các tế bào lá non.
(4) Nuôi cấy mô sẹo trong môi trường dinh dưỡng thích hợp để tạo cây con.

Trình tự thực hiện nuôi cấy mô tế bào ở thực vật là

- A. (3) → (1) → (2) → (4). B. (1) → (2) → (3) → (4).
C. (2) → (3) → (1) → (4). D. (3) → (1) → (4) → (2).

Câu 32: Để phòng chống virus lây qua đường hô hấp. Ta cần phải làm gì?

- A. Tránh tiếp xúc với với các động vật truyền bệnh.
B. Giữ gìn vệ sinh cá nhân.
C. Không dùng chung bát đĩa, ly nước.
D. Đeo khẩu trang khi đi ra đường.

Câu 33: Vi sinh vật là

- A. sinh vật có kích thước nhỏ bé, chỉ nhìn rõ dưới kính hiển vi.
B. sinh vật nhân sơ, chỉ nhìn rõ dưới kính hiển vi.
C. sinh vật đơn bào, chỉ nhìn rõ dưới kính hiển vi.
D. sinh vật ký sinh trên cơ thể sinh vật khác

Câu 34: Trong quá trình tổng hợp carbohydrate, các phân tử polysaccharide được tạo ra nhờ sự liên kết các phân tử glucose bằng liên kết

- A. peptide. B. liên kết hidrogen.
C. ion. D. glycosidic.

Câu 35: Một chu kì tế bào gồm 2 giai đoạn là kì trung gian với các pha và các kì nguyên phân như sau

1. Pha G₁
2. Pha G₂
3. Các kì nguyên phân
4. Pha S

Trật tự nào sau đây diễn ra đúng trong chu kì tế bào?

- A. 1 – 3 – 2 – 4 B. 1 – 2 – 3 – 4 C. 1 – 4 – 3 – 2 D. 1 – 4 – 2 – 3

Câu 36: Đơn vị cấu tạo của vỏ capsid?

- A. Capasi. B. Captoreal. C. Capsomer. D. Captomor.

Câu 37: Hệ gen của virus là

- A. ADN, ARN, protein B. ARN, protein
C. ADN hoặc ARN D. Nucleocapsit

Câu 38: Khi nói về sự sinh trưởng ở vi sinh vật, phát biểu nào dưới đây đúng?

- A. Sinh trưởng ở vi sinh vật là trọng lượng từng cá thể trong quần thể.
B. Sinh trưởng ở vi sinh vật là sự tăng trọng số lượng của quần thể.
C. Sinh trưởng ở vi sinh vật là sự tăng số lượng tế bào của quần thể.
D. Sinh trưởng ở vi sinh vật là sự tăng về kích thước của từng tế bào trong quần thể.

Câu 40: Khi nói về nguyên nhân khiến virus phải sống kí sinh nội bào bắt buộc, phát biểu nào dưới đây là sai?

- A. Virus thiếu hệ enzyme thực hiện trao đổi chất
B. Virus không có hệ gen của riêng nó
C. Virus không có bộ máy sinh tổng hợp protein cho bản thân nó
D. Virus không có nguyên liệu để tạo nên các bộ phận cấu thành mới

Câu 41: Chế phẩm sinh học nào sau đây được sản xuất nhờ virus ?

- A. Bio-EM. B. Thuốc trừ sâu Bt.
C. Insulin. D. Đệm lót sinh học.

Câu 42: NST đơn phân li ở kỳ nào của giảm phân II?

- A. Kỳ cuối B. Kỳ giữa C. Kỳ sau D. Kỳ đầu

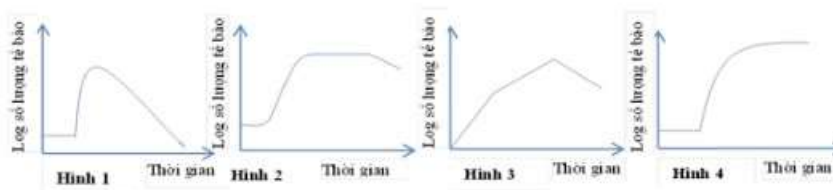
Câu 43: Ứng dụng nào không phải là công nghệ vi sinh trong bảo vệ môi trường và xử lý chất thải trồng trọt?

- A. Ủ men làm sữa chua. B. Ủ chua phụ phẩm trồng trọt.
C. Bón phân hóa học cho cây trồng. D. Trồng xen canh cây họ đậu

Câu 44: Trình tự các giai đoạn mà tế bào trải qua trong khoảng thời gian giữa hai lần nguyên phân liên tiếp được gọi là

- A. Phân chia tế bào B. Chu kỳ tế bào
C. Quá trình phân bào D. Phát triển tế bào

Câu 45: Quan sát các hình sau, hình mô tả đúng đường cong sinh trưởng của quần thể vi khuẩn trong nuôi cấy không liên tục là



- A. hình 2. B. hình 3. C. hình 4. D. hình 1.

Câu 46: Công nghệ tế bào là

- A. dùng hóa chất để kìm hãm sự nguyên phân của tế bào.
B. nuôi dưỡng tế bào và mô trong môi trường dinh dưỡng nhân tạo để tạo ra những mô, cơ quan hoặc cơ thể hoàn chỉnh.
C. dùng hormone điều khiển sự sinh sản của cơ thể.
D. kích thích sự tăng trưởng của tế bào trong cơ thể sống.

Câu 47: Công nghệ vi sinh ứng dụng trong

1. Nông nghiệp 2. Công nghiệp 3. Lâm nghiệp
4. Y dược 5. Bảo vệ môi trường 6. Luyện kim
Phương án đúng là

A. 1,2,4,5

B. 1,2,3

C. 5,6

D. 2,3,4,5

Câu 48: Con người đã sử dụng vi sinh vật nào để sản xuất thực phẩm, dược liệu, nhiên liệu?

A. Vi khuẩn E. Coli và tảo.

B. Vi khuẩn lưu huỳnh màu tía và vi khuẩn E. coli.

C. Vi khuẩn lam và tảo.

D. Vi khuẩn lam và vi khuẩn E. Coli.

Câu 49: Sinh trưởng của quần thể vi sinh vật là

A. sự tăng quá trình tích lũy các chất trong tế bào.

B. sự tăng số lượng cá thể của quần thể.

C. sự tăng khối lượng tế bào của quần thể.

D. sự tăng kích thước tế bào của quần thể.

Câu 50: Biện pháp chủ động phòng tránh virus hiệu quả nhất ở người là

A. tiêm vaccine.

B. vệ sinh môi trường sạch sẽ.

C. giữ gìn vệ sinh cơ thể.

D. ăn uống đủ chất.

Câu 51: Ngành nghề nào sau đây có liên quan rất lớn đến công nghệ vi sinh vật?

A. Công nghệ thực phẩm.

B. Nuôi trồng thủy sản.

C. Quản lí đất đai.

D. Công nghệ thông tin.

Câu 52: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của vi sinh vật đối với con người?

A. Một số vi sinh vật có khả năng cộng sinh với cơ thể người giúp tăng cường miễn dịch tiêu hóa.

B. Tất cả các vi sinh vật đều có khả năng phân giải chất thải, chất độc hại giúp làm giảm ô nhiễm môi trường.

C. Vi sinh vật tự dưỡng thường được sử dụng trong chế biến thực phẩm trên quy mô công nghiệp.

D. Các loại vi sinh vật tập hợp lại với nhau thành màng sinh học giúp bảo vệ các đường ống, các thiết bị công nghiệp.

Câu 53: Việc ứng dụng vi sinh vật trong thực tiễn **không** dựa trên đặc điểm nào sau đây?

A. Vi sinh vật có kích thước hiển vi.

B. Vi sinh vật có khả năng gây hư hỏng thực phẩm, đồ dùng.

C. Vi sinh vật có khả năng tổng hợp và phân giải các chất nhanh.

D. Vi sinh vật có khả năng sinh trưởng nhanh, sinh sản mạnh.

Câu 54: Bệnh sốt xuất huyết lây lan do muỗi vằn truyền virus từ người bệnh sang người khỏe mạnh. Trong trường hợp này, muỗi vằn được gọi là

A. vật chủ.

B. phổ vật chủ.

C. vật trung gian.

D. tác nhân gây bệnh.

Câu 55: Nguyên nhân nào khiến virus cúm dễ phát sinh ra những chủng virus mới?

A. Vật chất di truyền của chúng là DNA.

B. Chúng có nhiều loại vật chủ khác nhau.

C. Chúng không có lớp vỏ nên dễ bị đột biến.

D. Vật chất di truyền của chúng là RNA.

Câu 56: Nước được sử dụng trong quá trình làm sữa chua là

A. nước vừa đun sôi khoảng 100 °C.

B. nước lọc ở nhiệt độ phòng khoảng 50 °C.

C. nước lạnh ở nhiệt độ khoảng 10 – 15 °C.

D. nước đun sôi để nguội đến khoảng 50 °C.

Câu 57: Cần phải bảo quản sữa chua thành phẩm trong tủ lạnh nhằm

A. hạn chế tốc độ lên men quá mức, kéo dài thời gian bảo quản.

B. tăng tốc độ lên men, kéo dài thời gian bảo quản.

C. tăng giá trị dinh dưỡng và độ ngon của sữa chua.

D. tăng độ đông tụ và độ ngọt thanh của sữa chua.

Câu 58: Virus nào dưới đây có dạng hình xoắn?

- A. Adenovirus.
- B. Virus khảm thuốc lá.
- C. Virus cúm.
- D. Thể thực khuẩn.

Câu 59: Các virion khác virus khác ở đặc điểm là

- A. có lõi nucleic acid là DNA.
- B. có lõi nucleic acid là RNA.
- C. có vỏ capsid cấu tạo từ protein.
- D. có vỏ ngoài cấu tạo từ phospholipid.

Câu 60: Sự phát tán của virus thực vật được thực hiện cơ bản theo hai cách là

- A. truyền theo đường thẳng và theo đường chéo.
- B. truyền theo hàng ngang và theo hàng dọc.
- C. truyền theo đường dịch mô và theo sinh sản.
- D. truyền trực tiếp và bán trực tiếp.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/ SAI

Câu 1. Khi nói về kiểu dinh dưỡng của vi sinh vật, xét các nhận định sau. Mỗi nhận định sau đây Đúng hay Sai?

- a) Vi sinh vật quang tự dưỡng sử dụng nguồn năng lượng từ ánh sáng nguồn carbon là CO₂.
- b) Vi sinh vật quang dị dưỡng sử dụng nguồn năng lượng là chất vô cơ và nguồn carbon là chất hữu cơ.
- c) Nấm, động vật nguyên sinh, phần lớn vi khuẩn không quang hợp có kiểu dinh dưỡng là hóa dị dưỡng.
- d) Vi khuẩn lam, tảo đơn bào, vi khuẩn lưu huỳnh màu tía và màu lục sử dụng nguồn năng lượng từ chất hữu cơ.

Câu 2. Mỗi nhận định sau là đúng hay sai khi nói về về cơ sở khoa học của quy trình sản xuất tương?

- a) Quá trình lên men tương chủ yếu dựa trên hoạt động của vi khuẩn lactic.
- b) Nấm mốc giúp thủy phân protein trong nguyên liệu thành các amino acid đơn giản.
- c) Vi khuẩn E. coli là vi sinh vật chủ yếu trong quá trình sản xuất tương.
- d) Trong quá trình lên men tương, enzyme từ nấm mốc hỗ trợ làm tăng giá trị dinh dưỡng và hương vị.

PHẦN III. TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Dựa vào khả năng phân giải ngoại bào các chất của vi sinh vật có thể ứng dụng vào bao nhiêu việc sau đây?

- (1) Sản xuất kháng sinh, protein đơn bào.
- (2) Sản xuất nước mắm, nước tương, acid hữu cơ.
- (3) Xử lý chất thải ô nhiễm (rác hữu cơ, dầu loang, nước thải,...).
- (4) Sản xuất bánh kẹo, rượu, sữa chua, rau, củ, quả muối chua.

Câu 2. Cho các sản phẩm: phomat, tương, mứt, sữa chua, nước mắm, chế phẩm thuốc trừ sâu *Bacillus thuringiensis*. Có bao nhiêu sản phẩm ứng dụng lên men vi sinh vật?

Câu 3. Cho các yếu tố: pH, thời gian, nhiệt độ, độ thông khí, bổ sung tiền chất, chất dinh dưỡng. Trong giai đoạn lên men, sinh tổng hợp và tích tụ kháng sinh để thu năng suất cao cần đảm bảo bao nhiêu yếu tố?

Câu 4. Cho các yếu tố ảnh hưởng khả năng gây bệnh của virus sau: (1)Lượng virus; (2)Tuổi; (3)Tình trạng miễn dịch; (4)Cơ quan nhiễm virus; (5)Tốc độ lây lan. Có bao nhiêu yếu tố là đến từ vật chủ?

PHẦN IV. TỰ LUẬN:

Câu 1: Trình bày cơ sở khoa học và nguyên lí thực hiện công nghệ tế bào.

Câu 2: Trình bày các sản phẩm từ công nghệ vi sinh vật được sử dụng trong đời sống hằng ngày.

Câu 3: Phân tích vì sao sự phân chia tế bào không bình thường có thể dẫn đến ung thư.

Câu 4: Cách phòng chống bệnh do virus gây ra ở người, động vật.

Câu 5: Vì sao khi làm dưa chua nên phơi héo rau, cho thêm đường, đổ nước ngập mặt rau và phải dùng vật nặng nén chặt?

Câu 6: Tại sao các bệnh do virus thường lây lan nhanh, rộng và khó kiểm soát?

Câu 7: Em hiểu gì về vật trung gian truyền bệnh? Hãy đề xuất các biện pháp hạn chế sự lây lan của virus gây bệnh ở người qua các vật chủ trung gian.

Câu 8: Trình bày cấu tạo của virus.

----- **HẾT** -----